

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Số: 44/TB-HVYDCT

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá gói thầu: Cung cấp nguyên vật liệu phục vụ đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế “Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nghiên cứu hiện đại hóa bài thuốc nam “Lộc sâm - NK” và đánh giá tác dụng dược lý của chế phẩm”

Kính gửi: Quý đơn vị

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 214/2024/NĐ-CP ngày 4 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định 2166/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế Về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế “Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nghiên cứu hiện đại hóa bài thuốc nam “Lộc sâm - NK” và đánh giá tác dụng dược lý của chế phẩm”;

Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam tổ chức triển khai lựa chọn nhà thầu: Cung cấp nguyên vật liệu phục vụ đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế “Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nghiên cứu hiện đại hóa bài thuốc nam “Lộc sâm - NK” và đánh giá tác dụng dược lý của chế phẩm” (Có danh mục và số lượng cụ thể đính kèm).

Học viện kính mời Quý đơn vị tham gia thực hiện. Nếu Quý đơn vị tham gia thực hiện, đề nghị Quý đơn vị có báo giá gửi về Học viện theo các thông tin sau:

- Địa chỉ nhận báo giá: Bộ phận Văn thư - Phòng Hành chính Quản trị, P 101 nhà A, Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, số 2 Trần Phú, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.
- Điều kiện của báo giá: Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí và chi phí khác theo quy định.
- Thời gian gửi báo giá chậm nhất 17 giờ 00 ngày 13 tháng 02 năm 2026. ✓

Quý đơn vị phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về giá báo giá.

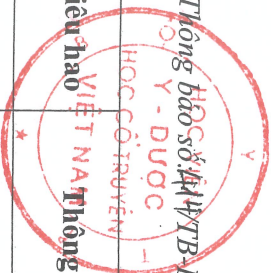
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, KHQT, VTTB.

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM
Nguyễn Quốc Huy

Phụ lục
(Kèm theo Thông báo số 41/YT-B-HVYDCT ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)



STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Dung môi, hóa chất						
1	n-Hexan 500ml	Độ tinh khiết $\geq 95.5\%$	Chai 500ml	Chai	8		
2	NaOH 500g	Độ tinh khiết $\geq 96.0\%$	Lọ 500g	Lọ	6		
3	HCl 500ml	Độ tinh khiết: 36-38%	Chai 500ml	Chai	10		
4	Chất chuẩn Rg1	Độ tinh khiết $> 95\%$	mg	mg	30		
5	Chất chuẩn Rb1	Độ tinh khiết $> 95\%$	mg	mg	30		
6	Chất chuẩn Re	Độ tinh khiết $> 95\%$	mg	mg	30		
7	Ethanol 95% 500ml	Độ tinh khiết $\geq 95.0\%$	Chai 500ml	Chai	50		
8	Nhựa macroporous	Độ ẩm: 65-75 (%), Mật độ thực: 1.15-1.19 (g/ml), Kích thước: 0.315-1.25mm	Kg	Kg	18		
9	Ethyl acetat 500ml	Độ tinh khiết $\geq 95.0\%$	Chai 500ml	Chai	20		
10	Formic acid 1 lít	Độ tinh khiết: $\geq 96.0\%$	Chai 500ml	Chai	12		

1

11	Aceton 500ml	Độ tinh khiết $\geq 96.0\%$, điểm sôi: $56 \pm 1^\circ\text{C}$	Chai 500ml	Chai	120		
12	Aerosil 1kg	Độ tinh khiết $\geq 98.0\%$, trọng lượng phân tử: 60.08g/mol	Lọ 500g	Lọ	16		
13	Avicel 1kg	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$, kích thước tiểu phân $50-100\mu\text{m}$	Túi 1kg	Gói	17		
14	Lactose 1kg	Trọng lượng phân tử: 342.30g/mol , độ tinh khiết $\geq 99.0\%$	Túi 1kg	Gói	17		
15	Tinh bột 1kg	Dạng bột màu trắng, độ tinh khiết $\geq 99.0\%$	Lọ 500g	Lọ	17		
16	Calcium carbonate 1kg	Dược dụng, kích thước hạt mịn, độ tinh khiết $\geq 98\%$,	Gói	Gói	22		
17	Gelatin 500g	Độ tinh khiết: $\geq 96.0\%$, độ ẩm $\leq 14\%$	Túi 1kg	Gói	6		
18	Polyvinyl pyrrolidin 500g	Nhiệt độ nóng chảy 2500°C , tỷ trọng 1.69 g/cm^3	Túi 1kg	Gói	6		
19	Hypromellose E15 500g	Dược dụng, độ nhớt khoảng $15\text{mPa}\cdot\text{s}$	Gói	Gói	6		
20	Hypromellose E6 500g	Dược dụng, độ nhớt $\sim 6\text{ mPa}\cdot\text{s}$	Gói	Gói	6		
21	Polyethylen glycol 6000 1kg	Dược dụng	Gói	Gói	6		

1

22	Magnesium stearate 1kg	Trọng lượng phân tử: 591.27g/mol, độ tinh khiết 99.0 %	Túi 1kg	Gói	6		
23	Bột talc 1kg	Độ tinh khiết $\geq 97.0\%$, trọng lượng phân tử: 379.30g/mol	Túi 1kg	Gói	6		
24	Titanium dioxide 500g	Dược dụng, dạng bột mịn, Hàm lượng $TiO_2 \geq 99.0\%$ (tính theo khối lượng khô)	Gói	Gói	6		
25	Oxyd sắt đen 500g	Dược dụng, dạng bột mịn; Hàm lượng $Fe_3O_4 \geq 95.0\%$	Gói	Gói	6		
26	Màu Brown 500g	Dược dụng, dạng bột mịn, Độ tinh khiết (sắt tổng số) 95 – 100% (tính theo Fe_2O_3 tương đương)	Gói	Gói	6		
27	Natri benzoat 500g	Dược dụng, Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$ và $\leq 100.5\%$ (tính theo $C_7H_5NaO_2$ khan)	Gói	Gói	6		
28	Acetonitril	Độ tinh khiết (GC) $\geq 99.8\%$		Lọ	4		
29	Methanol	Độ tinh khiết $\geq 96.0\%$	Chai 500ml	Chai	80		
	Dụng cụ, Vật tư						
30	Bình định mức 50 ml	Vật liệu bằng thủy tinh, cổ nhám 12/21, thể tích 50ml	Cái	Cái	6		

✓

31	Ổng ly tâm 15ml	Chất liệu: Polypropylene, có vạch chia, chịu nhiệt -20oC – 121oC, chịu lực ly tâm 8,400 – 9,400 RCF, thể tích 15ml	Túi 25 cái	Cái	15		
32	Ổng nghiệm 10ml	Vật liệu bằng thủy tinh, thể tích 10ml	Hộp 100 ống	Ổng	9		
33	Ổng nghiệm có nắp đậy 12ml	Vật liệu bằng thủy tinh, có nắp vặn màu đen, thể tích 12ml, kích thước: 16x110mm	Cái	Cái	70		
34	Ổng nghiệm có nắp đậy 6ml	Vật liệu bằng thủy tinh, có nắp vặn màu đen, thể tích 6ml, kích thước: 12x100mm	Cái	Cái	80		
35	Pipet tự động 2000-10.000 μ l	Dải đo thể tích: 2000-10.000 μ l, bước điều chỉnh: 100 μ l, Độ chính xác: $\pm$ 0.60% / 1,20% / 3,00% tại 10000 μ l / 5000 μ l / 2000 μ l.	Cái	Cái	2		
36	Pipet tự động 100-1000 μ l	Dải đo thể tích: 100-1000 μ l. Bước điều chỉnh: 5,0 μ l., Độ chính xác: $\pm$ 0,20% / 0,25% / 0,70% tại 100 μ l / 500 μ l / 1000 μ l.	Cái	Cái	2		

1

37	Pipet thủy tinh 10 ml	Vật liệu thủy tinh, vạch chia $\leq$ 0,1ml, thể tích 10ml	Cái	Cái	16		
38	Pipet thủy tinh 25 ml	Vật liệu thủy tinh, vạch chia $\leq$ 0,1ml, thể tích 25ml	Cái	Cái	9		
39	Găng tay cao su	Chất liệu cao su tự nhiên, độ đàn hồi cao, size M	Hộp 50 đôi	Hộp	10		
	Khẩu trang y tế	Loại có màng lọc than hoạt tính, 4 lớp	Hộp 50 chiếc	Hộp	20		
40	Bình cầu 1000 mL	Vật liệu thủy tinh, cổ nhám 29/32, thể tích 1000ml	Cái	Cái	6		
41	Bình định mức 100 ml	Vật liệu bằng thủy tinh, cổ nhám 12/21, thể tích 100ml	Cái	Cái	3		
42	Cốc có mỏ 1L	Vật liệu bằng thủy tinh, có mỏ, thể tích 1 lít	Cái	Cái	12		
43	Cột chiết SPE	Loại cột chiết pha rắn, thể tích 500mg/3ml	Hộp 5 cái	Hộp	3		
44	Ống sinh hàn xoắn	Vật liệu bằng thủy tinh, loại sinh hàn xoắn, nhám 24/29, dài 250mm	Cái	Cái	3		
45	Phễu chiết quả lê khóa nhựa 500ml	Vật liệu bằng thủy tinh, khóa nhựa, thể tích 500ml, nhám 29/32	Cái	Cái	3		

✓

46	Phiếu chiết quả lê khóa nhựa 1000ml	Vật liệu bằng thủy tinh, khóa nhựa, thể tích 1000ml, năm 29/32	Cái	Cái	3		
47	Phiếu chiết quả lê khóa nhựa 2000ml	Vật liệu bằng thủy tinh, khóa nhựa, thể tích 2000ml, năm 29/32	Cái	Cái	3		
48	Đầu côn vàng 200 μ l	Đầu côn vàng không chứa RNASE và DNASE, dung tích 20-200 μ l, bằng nhựa	Túi 1000 cái	Túi	9		
49	Đầu côn xanh 1000 μ l	Đầu côn xanh không chứa RNASE và DNASE, dung tích 5-1000 μ l, bằng nhựa	Túi 1000 cái	Túi	6		
50	Cột chạy sắc ký	Cột sắc ký bằng thủy tinh khóa Teflon, màng xốp, kích thước $\varnothing$ 30 x dài 400 mm, có nhám	Chiếc	Chiếc	8		
51	Màng lọc vô khuẩn 0,2 μ m hộp 100 cái	Chất liệu Cellulose tái sinh, đường kính 13, cỡ lỗ 0,2 μ m	Hộp 100 cái	Hộp	10		
52	Màng lọc vô khuẩn 0,45 μ m hộp 100 cái	Vật liệu màng PTFE, cỡ lỗ lọc 0,45 μ m, đường kính 13mm	Hộp 100 cái	Hộp	6		
53	Bình lắc gạn 500 ml	Vật liệu thủy tinh, không chia vạch, khóa thủy tinh, có nắp, thể tích 500ml	Cái	Cái	18		

1

54	Rây 180	Rây kim loại (sợi không gỉ); hình chữ nhật, kích thước 30x60cm)	Cái	Cái	3		
55	Rây 355	Rây kim loại (sợi không gỉ); hình chữ nhật, kích thước 30x60cm)	Hộp	Hộp	3		
56	Cốc có mỏ 250ml	Vật liệu bằng thủy tinh, có mỏ, thể tích 250ml	Cái	Cái	20		
57	Túi zip 1kg	Túi PE không màu, kín khí	Túi 1kg	Gói	4		
58	Lọ nhựa 100ml	Vật liệu bằng nhựa, có nắp, băng xi, gói chống ẩm	Lọ 100ml	Lọ	240		
59	Cốc có mỏ 100ml	Vật liệu bằng thủy tinh, trong suốt, không màu	Cái	Cái	20		
60	Rây 2000	Rây kim loại (sợi không gỉ); hình chữ nhật, kích thước 30x60cm)	Cái	Cái	2		
61	Rây 750	Rây kim loại (sợi không gỉ); hình chữ nhật, kích thước 30x60cm)	Cái	Cái	2		
62	Khay inox	Kích thước: $\geq 40 \times 60 \times 2,5$ cm. Độ dày khay $\geq 0,8$ mm, chịu được tải trọng lớn 15-25kg	Cái	Cái	23		
63	Thùng nhựa 30 lít	Thùng nhựa, có nắp đậy kín	Cái	Cái	2		
64	Màng ép vi 5kg	Cấu trúc màng 3 lớp: OPA / AL / PVC hoặc PA / AL / PVC; Độ dày	Hộp	Hộp	2		

(Handwritten mark)

		tiêu chuẩn OPA: ~25 µm, AL: ~45-50 µm, PVC: ~60 µm (tổng: ~130-135 µm)					
65	Hộp giấy	Nguyên liệu Bìa duplex, ivory hoặc carton phủ bề mặt (grammage 250-350 g/m ²) đạt chuẩn an toàn thực phẩm/được phẩm; Kích thước Theo thiết kế bao bì sản phẩm (phù hợp với số lượng ví hoặc lọ); Màu sắc, in ấn In offset rõ nét, không lem, đúng màu thiết kế đã duyệt	Cái	Cái	100		
66	Ổng đong 500 ml	Vật liệu thủy tinh, có chia vạch, thể tích 500ml	Cái	Cái	6		
67	Bình quả lê 250 ml	Vật liệu bằng thủy tinh, NS 29/33, thể tích 250ml	Cái	Cái	6		
68	Bình tam giác 250ml	Vật liệu bằng thủy tinh, thể tích 250ml KT: 50x140mm	Cái	Cái	10		
69	Chai thủy tinh 10ml	Vật liệu bằng thủy tinh, nắp GL 25, thể tích 10ml	Cái	Cái	9		
70	Chai thủy tinh 25ml	Vật liệu bằng thủy tinh, nắp GL 25, thể tích 25ml	Cái	Cái	6		

✓

71	Chai thủy tinh 500ml	Vật liệu bằng thủy tinh, nắp GL 45, thể tích 500ml	Cái	Cái	15		
72	Giấy parafin	Cuộn giấy parafin có kích thước: rộng 10 cm x dài 38.1 m	Cuộn	Cuộn	1		

✍